

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province
Email: Yfatuf@gmail.com
Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ 2 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.428.684.697	95.903.149.740
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.272.759.816	12.459.337.966
1. Tiền	111		8.272.759.816	12.459.337.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.541.105.642	12.799.106.574
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.161.105.188	10.550.751.162
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	957.832.439	1.350.366.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.422.168.015	897.989.112
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	118.304.185.547	68.763.097.340
1. Hàng tồn kho	141		119.764.209.615	69.121.485.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.460.024.068)	(358.388.471)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.8	310.633.692	1.881.607.860
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		310.633.692	806.430.741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.075.177.119
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.639.782.400	24.052.607.492
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.9	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BAI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
II. Tài sản cố định	220		21.891.962.087	24.052.607.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.792.901.603	23.925.047.008
- Nguyên giá	222		166.022.127.748	169.978.305.690
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(144.229.226.145)	(146.053.258.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
- Nguyên giá	225		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(...)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	99.060.484	127.560.484
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(71.939.516)	(43.439.516)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	1.623.100.626	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.623.100.626	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	(...)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	1.124.719.687	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.124.719.687	

30/06
 CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BAI
 (CHỮ KÝ)

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 + 100 + 200)	270		167.068.467.097	119.955.757.232
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		104.877.989.036	43.016.986.009
I. Nợ ngắn hạn	310		104.851.139.036	42.990.136.009
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	5.066.729.430	10.997.939.289
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	512.849.559	1.156.477.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.929.887.215	487.756.480
4. Phải trả người lao động	314		14.466.634.468	15.306.790.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.609.151.166	1.744.195.882
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	22.756.913.694	935.479.400
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	50.653.272.732	11.947.116.579
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	1.588.432.323	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.267.268.449	414.380.206
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

164
 3-TY
 HẢ
 NG
 PH
 NB
 3A1

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.190.478.061	76.938.771.223
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	62.190.478.061	76.938.771.223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.348.666.120	1.655.874.059
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.917.871.270	27.358.956.493
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		4.335.050.143	2.239.529.450
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.582.821.127	25.119.427.043
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		167.068.467.097	119.955.757.232

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy Dương

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2019

Kế toán trưởng

Hải Minh Hồng



Chạm đóc

Nguyễn Quốc Trình

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP - ĐC Kiểm toán

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Quý II năm 2019**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	90.170.252.250	137.713.958.481	199.491.240.732	239.766.457.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-01-02)	10		90.170.252.250	137.713.958.481	199.491.240.732	239.766.457.816
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	75.686.401.509	105.960.886.389	171.754.363.835	189.187.611.054
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20-10 - 11)	20		14.483.850.750	31.753.074.092	27.736.876.897	50.578.846.762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	57.548.577	174.303.748	105.402.917	239.879.538
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.340.161.155	191.444.395	1.782.573.300	897.418.934
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.331.253.213	190.990.953	1.771.239.133	896.176.441
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.b	2.309.357.665	2.165.473.396	4.624.364.123	4.060.868.662
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.a	6.078.360.465	4.694.763.972	11.752.669.402	9.086.948.779
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.813.520.042	24.875.696.077	9.682.672.989	36.773.489.925
11. Thu nhập khác	31	VI.6	102.500	6.975.000	102.500	8.027.470
12. Chi phí khác	32	VI.7	14.653.470	34.191.936	186.342.509	56.581.798
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-14.550.970	-27.216.936	-186.240.009	-48.554.328
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.798.969.072	24.848.479.141	9.496.432.980	36.724.935.597
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	926.096.019	3.215.642.054	1.913.611.853	4.858.311.603
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		3.872.873.053	21.632.837.087	7.582.821.127	31.866.623.994
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		814	4.545	1.593	6.159
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biên

Nguyễn Thị Thủy Dương

Kế toán trưởng

Hà Minh Hồng

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2019



Giám đốc

Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.496.432.980	36.724.935.597
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		4.630.837.315	4.840.190.716
- Các khoản dự phòng	03		1.646.415.006	666.376.735
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9.337.492)	(17.913.595)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.892.699)	(172.082.235)
- Chi phí lãi vay	06		1.771.239.133	896.176.441
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.531.694.243	42.937.683.659
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.536.155.667)	(2.863.597.933)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(49.541.088.207)	41.432.782.917
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(154.351.216)	(11.130.649.592)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(617.922.638)	(1.391.528.607)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.707.413.409)	(879.887.885)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-1.465.180.906	(3.925.527.637)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(678.280.000)	(984.566.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.168.697.800)	63.194.708.922
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.722.190.910)	(3.688.303.600)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	7.672.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.892.699	165.107.235
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.718.298.211)	(3.515.523.865)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		85.413.905.672	31.771.539.681
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(46.707.749.519)	(53.159.006.808)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		38.706.156.153	(21.387.467.127)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(4.180.839.858)	38.291.717.930
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.459.337.966	11.039.159.664
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(5.738.292)	15.745
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		8.272.759.816	49.330.893.339

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kê toán trưởng

Hòa Minh Hồng

Lập, ngày 07 tháng 07 năm 2019

Chức danh



Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

11-C
V. SẢN
IM
I
YÊN BÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Vân Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2019 : 23.245 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tai nạn, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty cổ nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt		8.272.759.816	2.635.834.463
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn			9.823.503.503
Các khoản tương đương tiền			
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng</i>		8.272.759.816	12.459.337.966
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-
Cộng			
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ	Đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Đồng Hòa		394.187.673	1.308.651.300
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		249.504.200	259.389.900
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		2.225.476.300	2.233.704.200
Công ty TNHH MTV nông sản Đồng Hưng		799.872.022	446.663.589
Công ty CP JUNMA Yên Bái			
Công ty Cổ phần Thiên phúc			
Công ty TNHH TM XD XNK Hưng Hiệp		5.196.652.000	3.143.332.500
Công ty TNHH Vinh Hùng Cát		1.141.236.413	230.243.488
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		2.237.098.800	2.242.960.200
Khách hàng khác		917.077.780	685.805.985
Cộng		13.161.105.188	10.550.751.162
4. Trả trước cho người bán		Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP kỹ thương Đại Việt		750.000.000	750.000.000
Trung tâm công nghệ môi trường Việt Nhật			459.066.300
Công ty TNHH Đức Thịnh			102.300.000
Công ty TNHH DLDV CD đường sắt VN		113.500.000	
Khách hàng khác		94.332.439	39.000.000
Cộng		957.832.439	1.350.366.300
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
Ông Trần Trọng Nghĩa - Hồ trợ mua xe	45.000.000		75.000.000
Thuế TNCN phải thu			107.216.796
Tạm ứng	1.329.726.000		657.713.000
Bảo hộ LD phải thu của CN			
Phải thu phí hàng nhập đối tác	10.840.320		
Các khoản phải thu khác	36.601.695		58.059.316
Cộng	1.422.168.015		897.989.112

116
NG T
PH
JONG
IC PH
IN B
BÁI - T

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**Nợ phải thu, cho
vay ngắn hạnNợ phải thu, cho
vay dài hạn

Cộng

Số đầu năm

Trích lập dự phòng bổ sung

Giảm do thu hồi được nợ

Số cuối kỳ**7. Hàng tồn kho:**

Cuối năm

Đầu năm

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	7.934.291.968		9.488.574.534	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.001.272.006		2.015.730.786	
Thành phẩm;	109.828.645.641	(1.460.024.068)	57.617.180.491	(358.388.471)
Hàng gửi bán;				
Cộng	119.764.209.615	(1.460.024.068)	69.121.485.811	(358.388.471)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Cuối kỳ

Đầu năm

CP vật tư Yên Bình

15.715.626

Công cụ dụng cụ NM Minh Quân

17.133.520

Công cụ dụng cụ tại Văn phòng

229.662.488

380.079.248

CP sửa chữa kho chứa giấy lễ tại Phú Thịnh

5.700.000

Công cụ vật tư, CP sửa chữa lớn MMTB tại Yên Hợp

38.500.000

CP sửa chữa tại NM Quế

3.922.058

CP sửa chữa tại các NM

426.351.493

Cộng**310.633.692****806.430.741****9. Phải thu dài hạn khác**

Cuối kỳ

Đầu năm

Giá trị

Dự phòng

Giá trị

Dự phòng

Thuế của nhà thầu nước ngoài

-

-

Cộng

-

-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	55.198.246.586	108.058.929.356	5.652.284.712	459.375.000	609.470.036	169.978.305.690
Tăng trong kỳ	1.898.441.910	571.750.000	-	-	-	2.470.191.910
-Do mua sắm mới	1.898.441.910	571.750.000	-	-	-	2.470.191.910
-Do phân loại TSCĐ						
-Do phân loại TSCĐ						
-Do XDCB hoàn thành						
Giảm trong kỳ	-	(6.426.369.852)	-	-	-	(6.426.369.852)
-Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
-Thanh lý, nhượng bán		(6.426.369.852)				(6.426.369.852)
Số cuối kỳ	57.096.688.496	102.204.309.504	5.652.284.712	459.375.000	609.470.036	166.022.127.748
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.286.820.281	72.885.127.805	844.204.618	162.775.000	609.470.036	103.788.397.740
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	49.953.023.941	92.107.790.505	3.029.932.251	353.043.949	609.470.036	146.053.238.682
-Tăng do trích khấu hao trong kỳ	1.823.727.073	2.336.207.674	403.690.188	38.712.380	-	4.602.337.315
-Tăng do điều chỉnh phân loại						
-Tăng do điều chỉnh phân loại						
Giảm trong kỳ	-	(6.426.369.852)	-	-	-	(6.426.369.852)
-Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
-Thanh lý, nhượng bán	-	(6.426.369.852)	-	-	-	(6.426.369.852)
Số cuối kỳ	51.776.751.014	88.017.628.327	3.433.622.439	391.754.329	609.470.036	144.229.226.145
Giá trị còn lại						

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	28.500.000	71.939.516	99.060.484

12. Chi phí XDCB dở dang

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/Vào CP	Số cuối kỳ
Chi phí SC Yên Bình	-	25.275.940	-	25.275.940
Chi phí SC Văn Chấn	-	11.736.000	-	11.736.000
Chi phí SC tại Yên Hợp	-	29.321.209	-	29.321.209
Chi phí SC MMTB Sản Văn Yên	-	304.768.477	-	304.768.477
Chi phí hệ thống xử lý nước thải Yên Hợp	-	1.251.999.000	-	1.251.999.000
Cộng	-	1.623.100.626	-	1.623.100.626

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP tại NM sản	770.048.804	-
CP tại văn phòng	354.670.883	-
Cộng	1.124.719.687	-

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	-	487.347.498
Công ty TNHH An Hoa	825.330.000	673.794.000
Công ty cổ phần Đông á	814.656.150	-
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	217.470.000	-
Công ty cổ phần Thăng Huy	137.280.000	-
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	230.571.000	-
Công ty TNHH SXTM Đạt Phương	-	-
Công ty CP Việt Thịnh	495.948.000	509.872.000
Nguyễn Trường Giang (Đại lý sản)	-	1.545.532.400
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	803.821.436	-
Trần Văn Chi (Đại lý sản)	-	171.598.100
Nguyễn Thị Liên (Đại lý sản)	-	636.081.200
Đặng Thiết Hùng (Đại lý sản)	-	924.753.800
Trịệu Thiệu Lâm (Đại lý sản)	-	476.960.100
Phạm Thị Chinh (Đại lý sản)	-	656.187.900
Vũ Thị Hằng (Đại lý sản)	-	1.309.339.700
Phải trả các đối tượng khác	1.541.652.844	3.606.472.591
Cộng	5.066.729.430	10.997.939.289

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty HUEI TAI TRADING CO		237.214.388
HTX tiêu thụ CN DV tổng hợp Đức Thành Phát	115.511.205	377.381.125
Công ty TNHH Thương mại sản xuất Mạnh Hùng	161.320.320	-
Công ty cổ phần Thiên Phúc		84.809.121
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		306.187.042
Công ty TNHH MTV Quan - JIA	191.428	95.264.628
Công ty CP JUNMA Yên Bái	178.886.460	
Phải trả cho các đối tượng khác	56.940.146	55.621.421
Cộng	512.849.559	1.156.477.725

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-1.075.177.119	10.522.136.866	6.439.250.911	3.007.708.836
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.650.040	1.650.040	
Thuế nhập khẩu				
Thuế TNDN	461.207.012	1.913.611.853	1.465.180.906	909.637.959
Thuế thu nhập cá nhân	1.777.778	832.939.085	834.716.863	0
Thuế tài nguyên	24.771.690	110.726.550	122.957.820	12.540.420
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		145.227.751	145.227.751	
Các loại thuế khác	0	177.508.000	177.508.000	0
Cộng	(587.420.639)	13.703.800.145	9.186.492.291	3.929.887.215

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường	716.000.000	768.627.091
Trích trước chi phí lãi vay	55.033.970	17.157.378
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác		55.160.000
Trích trước tiền Bảo hộ LĐ theo khoán	434.502.000	-
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	1.114.949.890	329.376.490
Chi phí NL sản	47.088.867	47.088.867
Chi phí tiền điện	273.160.279	526.786.056
Chi phí trả trước tại nhà máy sản	968.416.160	
Cộng	3.609.151.166	1.744.195.882

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	281.770.844	145.751.106
Lãi thuê TNCN với tiền lãi vay phải trả	1.015.725	86.771
Tiền sáng kiến cải tiến KT		112.400.000
Bảo hiểm tai nạn lao động	4.155.565	-
Bảo hiểm xã hội	756.599.950	
Tiền thuê TNCN trả cho CNV	72.941.007	
Phải trả khác tại VP	576.264.534	
Tiền Cổ tức 2018	19.040.352.000	
Phải trả khác	2.023.814.069	677.241.523
Tiền Tiết kiệm vật tư	1.964.520.971	536.298.220
Tiền Phụ cấp, tiền bốc vác	59.293.098	140.943.303
Cộng	22.756.913.694	935.479.400

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn cá nhân	11.947.116.579	11.947.116.579	50.653.272.732	50.653.272.732
Cộng	11.947.116.579	11.947.116.579	50.653.272.732	50.653.272.732

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.597.116.579	84.512.851.085	46.332.683.892	49.777.283.772
Vay ngắn hạn các cá nhân	350.000.000	901.054.587	375.065.627	875.988.960
	11.947.116.579	85.413.905.672	46.707.749.519	50.653.272.732

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí tiền lương bổ sung, nghỉ phép năm, bảo hộ lao động phải trả cho người lao động

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	178.553.566	1.385.584.122	904.280.000	876.304.122
Quỹ phúc lợi	235.826.640	1.385.584.122	14.000.000	1.390.964.327
	414.380.206	2.771.168.244	918.280.000	2.267.268.449

Trong kỳ Chuyển nguồn từ quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng là: 216.446.434 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22. Phải trả người bán dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

Ghi chú:

*Đã tiến hành xóa nợ của DNTN Sinh hóa Phương toàn do hợp đồng đã quá lâu
Đồng thời quyết toán vốn của Nhà thầu nước ngoài Hainan, kết thúc công nợ dài hạn*

23. Phải trả dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Cộng	25.000.000	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu***

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	16.559.875.965	65.846.068.912
Lợi nhuận trong kỳ				34.639.603.043	34.639.603.043
Trích lập các quỹ trong kỳ			203.621.783	(203.621.783)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(1.174.487.132)	(1.174.487.132)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo					-
Chi cổ tức					-
Tăng vốn DL từ LN CPP				(22.372.413.600)	(22.372.413.600)
Tăng vốn DL từ các quỹ					-
Số dư cuối năm trước	47.600.880.000	323.060.671	1.655.874.059	27.358.956.493	76.938.771.223
Số dư đầu năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.655.874.059	27.358.956.493	76.938.771.223
Lợi nhuận trong kỳ				7.582.821.127	7.582.821.127
Trích lập các quỹ trong kỳ			692.792.061	(692.792.061)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.771.168.243)	(2.771.168.243)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				(519.594.046)	(519.594.046)
Chi cổ tức				(19.040.352.000)	(19.040.352.000)
Tăng vốn DL từ LN CPP				-	-
Tăng vốn DL từ các quỹ				-	-
Bán cổ phiếu quỹ				-	-
Số dư cuối năm nay	47.600.880.000	323.060.671	2.348.666.120	11.917.871.270	62.190.478.061

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	47.600.880.000	47.600.880.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
	47.923.940.671	47.923.940.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phần	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	-
đ) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.760.088	4.760.088
+ Cổ phiếu phổ thông	4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.760.088	4.760.088
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000
d) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....	1.593	3.900
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;	2.348.666.120	1.655.874.059
20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	4.828.706.832	4.632.981.976
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Ngoại tệ các loại: USD	267.885.830	407.019.290

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng	Năm nay	Năm trước
cấp dịch vụ	199.491.240.732	239.766.457.816
hàng hóa	199.491.240.732	239.766.457.816
Trong đó: Doanh thu nội địa	156.186.605.243	196.377.331.229
DT xuất khẩu trực tiếp	43.304.635.489	43.389.126.587
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	37.410.232.550	37.625.443.500
Tương đương Tiền USD	1.612.550,00	1.655.360,0
- DT Sản phẩm Giấy để XK	5.894.402.939	5.763.683.087
Tương đương Tiền USD	254.091,61	233.587,28
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	-	-
Quy ra USD	-	-
Tổng cộng USD:	1.866.641,61	1.908.947,28
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	199.491.240.732	239.766.457.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
- thu	-	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
3. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	171.754.363.835 171.754.363.835	189.187.611.054 189.187.611.054
4. Doanh thu hoạt động tài		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.892.699	169.391.835
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	101.510.218	70.487.703
	105.402.917	239.879.538
5. Chi phí tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	11.334.167	1.242.493
- Lãi tiền vay;	1.771.239.133	896.176.441
	1.782.573.300	897.418.934
6. Thu nhập khác		
- Thu nhập khác từ xử lý nợ	102.500	
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		8.027.470
	102.500	8.027.470
7. Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	186.342.509	55.121.550
- Thuế chậm nộp với người bán		1.115.212
- Chi phí khác		345.036
	186.342.509	56.581.798
8. Chi phí bán hàng và chi phí		
a) Các khoản chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên quản lý	6.064.734.684	4.527.236.179
Chi phí vật liệu quản lý	114.698.199	139.844.030
Chi phí đồ dùng văn phòng	447.771.661	202.497.672
Chi phí khấu hao TSCĐ	527.606.066	516.130.172
Thuế, phí và lệ phí	1.026.201.301	810.194.927
Chi phí dự phòng	30.349.000	77.171.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	505.774.539	593.090.300
Chi phí bằng tiền khác	3.035.533.952	2.220.784.170
Cộng	11.752.669.402	9.086.948.779
b) Các khoản chi phí bán hàng		
- Các khoản chi phí bán hàng	4.624.364.123	4.060.868.662
Cộng	4.624.364.123	4.060.868.662

441
 Y
 AN
 SAI
 TAM
 AI
 T. YEN

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập

Chi phí thuế TNDN tính trên
thu nhập chịu thuế năm hiện
hành

Năm nay

1.913.611.853

1.913.611.853

Năm trước

4.858.311.603

4.858.311.603

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng



Giám đốc

Nguyễn Quốc Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)		Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lễ + Ván bóc+rác ván	Loại trừ nội bộ	Đơn vị tính: VND
	Giấy để	Giấy vàng						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	67.389.386.999	37.410.232.550	88.354.990.455	5.332.150.000	1.004.480.728	-		199.491.240.732
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	14.519.101.387	17.908.323.285	27.646.770.916	2.069.595.932	(100.911.150.351)			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.519.101.387	106.096.754.830	316.001.761.371	7.401.745.932	1.004.480.728			199.491.240.732
Chi phí bộ phận	-	54.694.872.405	87.380.154.530	7.757.348.439				187.126.916.632
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	12.694.314.594	115.671.292	974.855.925	(2.425.198.439)			11.359.843.372
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	105.402.917
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(1.782.573.300)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	102.500
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(186.342.509)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp biên hành	-	-	-	-	-	-	-	(1.913.611.853)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	7.582.821.127



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)

Số cuối năm	Giấy để	Giấy vàng mã	Tình bột sản	Tình đầu quá	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.264.746.701	2.330.342.892	102.985.160.851	5.151.020.578	167.068.467.097
Tài sản phân bổ cho bộ phận	3.739.755.571	164.352.249	15.327.769.655	1.536.374.756	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	13.004.502.272	2.494.695.141	118.312.930.506	6.687.395.334	167.068.467.097

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

(22.727.998.822)	7.064.847.877	2.311.696.384	112.843.820.805	5.385.622.792	104.877.989.036
(22.727.998.822)	7.064.847.877	2.311.696.384	112.843.820.805	5.385.622.792	104.877.989.036

Số đầu năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận

Tài sản phân bổ cho bộ phận

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

Tổng tài sản

50.674.345.181	9.030.505.314	1.682.568.739	53.701.835.563	4.866.502.435	119.955.757.232
(22.419.569.598)	3.958.808.737	198.481.449	16.445.776.884	1.816.502.528	-
28.254.775.583	12.989.314.051	1.881.050.188	70.147.612.447	6.683.004.963	119.955.757.232

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

(26.278.101.022)	9.044.180.294	1.682.568.739	53.701.835.563	4.866.502.435	43.016.986.009
(26.278.101.022)	9.044.180.294	1.682.568.739	53.701.835.563	4.866.502.435	43.016.986.009

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	156.186.605.243	196.377.331.229
Khu vực xuất khẩu	43.304.635.489	43.389.126.587
Cộng	<u>199.491.240.732</u>	<u>239.766.457.816</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	<u>(3.722.190.910)</u>	<u>(3.688.303.600)</u>

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng


 Hứa Minh Hùng
